

Bản án số: 37/2023/HC-PT

Ngày 06 - 02 - 2023

V/v: “*Khiếu kiện quyết định giải quyết
khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân
dân*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân Hương.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cường;

Ông Võ Hồng Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung, thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: **348/2022/TLPT-HC ngày 05 tháng 9 năm 2022 về “*Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân*”**.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 08/2022/HC-ST ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 433/2021/QĐPT ngày 13 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1950. Địa chỉ: Tổ dân phố Tân Bắc, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn A1, sinh năm 1948. Địa chỉ: Tổ dân phố Q, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh H.

Có mặt bà A, ông A1 tại phiên tòa.

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng H, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh H. Vắng mặt, có văn bản ngày 27/01/2023 đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Trụ sở UBND huyện Y- thị trấn Y, huyện Y, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ngày 20/11/2002, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) tỉnh H ban hành Quyết định số 547/2002/QĐ-UB về việc thu hồi đất và giao đất xây dựng khu dân cư dọc Quốc lộ B từ Km 186+232 đến Km 186+587, thôn XX, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh H, thu hồi tổng diện tích 10.483,5m² đất do các hộ gia đình, tổ chức đang quản lý sử dụng, trong đó hộ gia đình bà Nguyễn Thị A bị thu hồi đất trồng lúa thửa số 335, diện tích 700 m². Thửa đất nông nghiệp này vào năm 1996 hộ gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận quyền quyền sử dụng đất (tổng số diện tích 6.360,0 m² đất nông nghiệp). Theo hồ sơ đền bù giải phóng mặt bằng khu dân cư dọc Quốc lộ B từ km 186 + 232 đến km 186 + 587, XX, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh H lập, là thửa đất số 06, diện tích 692 m², loại đất 1 lúa, hạng 5. Điều 2 Quyết định có nội dung: *Giao cho UBND huyện Y thành lập Hội đồng đền bù tiến hành kiểm kê, xây dựng phương án đền bù trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.*

Ngày 13/12/2002, Ủy ban nhân dân huyện Y ban hành Quyết định số 4244/QĐ-UB về việc phê duyệt dự toán kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng công trình: *Xây dựng khu dân cư dọc Quốc lộ B từ Km 186+232 đến Km 286+587 thuộc thôn XX, thị trấn Y, huyện Y*, trong đó có hộ bà A được bồi thường: 2.179.800 đồng, trong đó bồi thường về đất là 761.200 đồng; Hỗ trợ là 1.418.600 đồng.

Không nhất trí với việc UBND huyện phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ; bà A không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và đã khiếu nại và bà đã nhận được các văn bản của UBND huyện Y trả lời là Công văn số 19/CV-QH ngày 13/12/2002 và Công văn số 62/CV-UB ngày 15/01/2003. Bà A ủy quyền cho ông Nguyễn Văn A1 khiếu nại.

Ngày 30/11/2020, Chủ tịch UBND huyện Y ban hành Quyết định số 7368/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Đặng Thị Đào (lần đầu) trả lời khiếu nại của bà Nguyễn Thị A.

Ngày 29/10/2021, bà Nguyễn Thị A khởi kiện vụ án hành chính, cho rằng UBND huyện Y bồi thường cho bà số tiền 2.000.000 đồng là không đúng với Luật Đất đai năm 1993; Nghị định 22 và Thông tư 145 về bồi thường đất, đã gây thiệt hại rất lớn đối với bà và yêu cầu Toà án giải quyết:

- Tuyên hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 7368/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của Chủ tịch UBND huyện Y.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh H bồi thường đất theo quy định của pháp luật.

- Buộc UBND huyện Y bồi thường thiệt hại do bà không được sử dụng thửa đất 355 bị thu hồi từ năm 2002 đến năm 2021 theo quy định của Luật trách nhiệm bồi thường.

- Buộc UBND huyện Y bồi thường tiền in ấn, tem thư, công đi khiếu kiện theo quy định của Luật Bồi thường nhà nước.

Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh H trình bày:

Ngày 14/8/2002, Ủy ban nhân dân huyện Y ban hành Quyết định số 2530/QĐ-UB về việc thành lập Hội đồng đền bù thiệt hại giải phóng mặt bằng công trình: Quy hoạch các khu dân cư trên địa bàn huyện Y năm 2002;

Ngày 22/11/2002, Ban Quản lý công trình quy hoạch, Phòng Địa chính huyện (nay là Phòng Tài nguyên và Môi trường), Ủy ban nhân dân thị trấn Y tổ chức họp với các hộ gia đình có đất bị thu hồi theo quyết định số 547/2002/QĐ-UB ngày 20/11/2002 và triển khai các quy định về giá đền bù, hướng dẫn các hộ gia đình có đất bị thu hồi kê khai về đất đai, tài sản, cây trồng nằm trong ranh giới thu hồi đất;

Ngày 24/11/2002, hộ bà Nguyễn Thị A đã thực hiện việc kê khai về sử dụng đất và tài sản trên đất; Hội đồng đền bù giải phóng mặt bằng đã thực hiện việc kiểm kê diện tích đất và tài sản trên đất;

Ngày 30/11/2002, Hội đồng đền bù giải phóng mặt bằng đã tổ chức họp xét bồi thường và kết luận hộ bà Nguyễn Thị A được đền bù 692 m², đất trồng cây hàng năm, hạng 5 theo giá của Nhà nước quy định hiện hành;

Ngày 13/12/2002, Ủy ban nhân dân huyện Y đã ban hành Quyết định số 4244/QĐ-UB phê duyệt bồi thường, hỗ trợ; trong đó có hộ bà A được bồi thường tổng số tiền 2.179.800 đồng theo đúng quy định.

Hộ gia đình bà A đã thực hiện việc giải phóng mặt bằng và bàn giao đất cho huyện, nhưng vẫn chưa nhận số tiền đền bù, hỗ trợ và nhiều lần làm đơn gửi các cấp xem xét giải quyết đề nghị UBND huyện cấp lại cho bà 300m² đất trong quy hoạch, không phải nộp tiền sử dụng đất và bồi thường phải được sự thỏa thuận của gia đình.

Ngày 31/12/2002, Ban Quản lý công trình quy hoạch huyện có Văn bản số 19/CV-QH về việc trả lời đơn kiến nghị của công dân trong đó có nội dung trả lời bà như sau: “Ban quản lý công trình quy hoạch huyện đã trình đơn của bà tới Hội đồng tư vấn cấp đất khu dân cư huyện Y để xem xét giải quyết. Ngày 03/12/2002, Hội đồng tư vấn cấp đất họp xét theo nội dung đơn kiến nghị của bà và có ý kiến kết luận: Gia đình bà đã có nhà ở ổn định, không thuộc diện thu hồi hết đất. Nếu có nhu cầu về đất ở thì bà làm đơn tham gia đấu giá quyền sử dụng đất bình đẳng như các trường hợp khác...”

Ngày 15/01/2003, Ủy ban nhân dân huyện Y có Văn bản số 62/CV-UB về việc trả lời đơn đề nghị của bà Nguyễn Thị A, có nêu:

Nội dung 1: Bà A đề nghị: “...vừa qua Ban quy hoạch huyện Y tiến hành quy hoạch khu dân cư, có thu hồi trên 600,0 m² đất của gia đình tôi tại đồng Đát Phách, nằm sát Quốc lộ B trên đường đi H. Với diện tích đất này gia đình tôi tự khai phá từ năm 1960 liên tục bao năm vẫn sản xuất, không thuộc diện tích hợp tác xã nông nghiệp giao. Toàn bộ diện tích đất đã được Nhà nước giao và ghi nhận trong sổ bìa đỏ của gia đình quản lý và nộp thuế...Đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết theo pháp lý (thu hồi phải có đền bù được sự thỏa thuận của gia đình)” - UBND huyện trả lời bà như sau: “Khu đất của bà bị nhà nước thu

hồi để thực hiện quy hoạch khu dân cư dọc theo Quốc lộ B đoạn từ km 186 + 587 thuộc thôn XX thị trấn Y, huyện Y (theo Quyết định số 547/2002/QĐ-UB ngày 20/11/2002 của UBND tỉnh H). Theo tờ khai về sử dụng đất và tài sản số 06 ngày 24/11/2002 của hộ bà Nguyễn Thị A và biên bản kiểm kê diện tích đất và tài sản trên đất thu hồi số 06 ngày 24/11/2002 đối với hộ gia đình bà đã xác định: Tổng diện tích nông nghiệp hiện gia đình đang sử dụng: 6.350 m². Diện tích đất trồng cây hàng năm bị thu hồi: 692 m², đất 1 lúa, hạng 5, số diện tích này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1996. Hội đồng đền bù giải phóng mặt bằng huyện Y đã tiến hành họp xét ngày 30/11/2002 và kết luận: Hộ bà Nguyễn Thị A được đền bù 692,0 m², hạng 5, theo giá của Nhà nước quy định hiện hành. Như vậy Hội đồng đền bù giải phóng mặt bằng và Ban quản lý công trình quy hoạch huyện Y đã thực hiện theo đúng các quy định của Nhà nước. Việc bà đề nghị “...có thu hồi phải có đền bù được sự thỏa thuận của gia đình” điều này không được quy định tại văn bản nào của Nhà nước của các tỉnh”.

Nội dung 2: Bà A đề nghị “...xin được cấp lại cho gia đình 300,0 m² đất trong quy hoạch, không phải nộp tiền sử dụng đất...”. UBND huyện trả lời bà như sau: “Ngày 03/12/2002 và ngày 10/12/2002, Hội đồng tư vấn đã tiến hành họp xét cụ thể và đã kết luận: Hộ gia đình bà không đủ điều kiện được xét cấp đất trong quy hoạch vì hiện nay gia đình đã có nhà ở ổn định. Nhà nước không thu hồi đất ở của gia đình bà (mới chỉ thu hồi 692,0 m² đất trồng cây hàng năm trong tổng số diện tích 6.360,0 m² đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng). Ngày 13/12/2002, Ban quản lý công trình quy hoạch huyện đã có Văn bản số 19/CV-QH trả lời đơn kiến nghị của bà nêu rõ: Gia đình bà đã có nhà ở ổn định, không thuộc diện thu hồi đất. Nếu có nhu cầu về đất ở thì bà làm đơn tham gia đấu giá quyền sử dụng đất bình đẳng như các trường hợp khác”.

Ngày 28/06/2004, Ủy ban nhân dân huyện Y có Văn bản số 828/CV-UB về việc trả lời đơn đề nghị của công dân “...Nội dung đơn đề nghị của bà được trả lời tại Công văn số 19/CV-QH ngày 13/12/2002 của Ban quản lý công trình quy hoạch huyện và Công văn số 62/CV-UB ngày 15/01/2003 của UBND huyện về việc trả lời đơn đề nghị của bà Nguyễn Thị A, UBND huyện yêu cầu bà Nguyễn Thị A nghiêm túc thực hiện”. Đến ngày 12/11/2007 bà A tiếp tục có đơn đề nghị xem xét giải quyết việc thu hồi đất của gia đình bà để xây dựng khu dân cư với giá thấp.

Ngày 10/01/2008, Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Văn bản số 17/UBND-QH về việc trả lời đơn đề nghị của công dân: “Các nội dung này đã được Ủy ban nhân dân huyện xem xét và trả lời bà tại Công văn số 19/CV-QH ngày 13/12/2002 của Ban quản lý công trình quy hoạch huyện và công văn số 62/CV-UB ngày 15/01/2003 của UBND huyện “về việc trả lời đơn đề nghị của bà Nguyễn Thị A. Như vậy, việc thu hồi đất và bồi thường thiệt hại đối với gia đình bà được ủy ban nhân dân huyện giải quyết theo đúng thẩm quyền, Ủy ban nhân dân huyện Y yêu cầu bà Nguyễn Thị A nghiêm túc thực hiện”.

Ngày 10/12/2019, bà Nguyễn Thị A ủy quyền cho ông Nguyễn Văn A1, tổ dân phố Quyết Tiến, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh H thực hiện khiếu nại với nội dung

như sau: “Việc thu hồi và bồi thường đối với thửa đất số 335, diện tích 700 m²(theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà Nguyễn Thị A được cấp năm 1996), là thửa đất số 06, diện tích 692 m² (tờ bản đồ thu hồi đất năm 2002), đã thu hồi của gia đình bà Nguyễn Thị A để xây dựng công trình: Khu dân cư dọc Quốc lộ B từ km 186 + 232 đến km 186 + 587, XX, thị trấn Y, huyện Y năm 2002, việc thu hồi đất và bồi thường chưa đúng quy định của pháp luật”.

Ngày 30/11/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y ban hành Quyết định số 7368/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị A, tổ dân phố Tân Bắc, thị trấn Y, trong đó kết luận: *Việc đền bù giải phóng mặt bằng công trình: Xây dựng khu dân cư dọc Quốc lộ B từ Km 186 + 232 đến Km 186 + 587, thôn XX, thị trấn Y, tỉnh H đã được Hội đồng bồi thường triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Thị A khiếu nại việc thu hồi và bồi thường đối với thửa đất số 335, diện tích 700 m² (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà được cấp năm 1996), là thửa đất số 06, diện tích 692 m² (tờ bản đồ thu hồi đất năm 2002), đã thu hồi của gia đình bà để xây dựng công trình: Khu dân cư dọc Quốc lộ B từ km 186 + 232 đến km 186 + 587, XX, thị trấn Y, huyện Y năm 2002, việc thu hồi đất và bồi thường chưa đúng quy định của pháp luật là khiếu nại sai.*

Ngày 19/5/2021, Tòa án nhân dân tỉnh H tổ chức đối thoại giữa người khởi kiện là bà Nguyễn Thị A; người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện Y. Tại buổi đối thoại bà Nguyễn Thị A nhất trí phương án bồi thường cho gia đình bà bằng đất theo diện tích và hạng đất bị thu hồi. Ngày 16/6/2021, phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND thị trấn Y cùng tiến hành làm việc với ông Nguyễn Văn A trú tại tổ dân phố Quyết Tiến, thị trấn Y (người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị A) và hộ bà Nguyễn Thị A. Tại buổi làm việc xác định: Thửa đất thu hồi của hộ bà Nguyễn Thị A là thửa đất số 335, tờ bản đồ số 20, diện tích 700 m² (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà Nguyễn Thị A được cấp năm 1996); ứng với thửa đất số 06, diện tích 692 m² (theo hồ sơ đền bù, thu hồi, giải phóng mặt bằng), loại đất 1 lúa, hạng 5. Kết quả xác minh cho thấy, thửa đất số 335 của gia đình bà Nguyễn Thị A có vị trí đất trồng cây hàng năm thuộc khu vực 1, vị trí 4 được quy định tại Quyết định số 40/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh H về việc ban hành quy định phân loại đường phố, phân khu vực, phân vị trí đất và Bảng giá đất 05 năm (2020 – 2024) trên địa bàn tỉnh H. Kết quả rà soát, dự kiến bồi thường bằng đất cho gia đình bà Nguyễn Thị A tại thửa đất số 237, 238, tờ bản đồ số 38, tổng diện tích 759,1 m², loại đất chuyên trồng lúa nước (các thửa đất có nguồn gốc là đất công ích 5% do UBND thị trấn Y quản lý). Địa chỉ các thửa đất tại tổ dân phố Bắc Lũng, thị trấn Y. Các thửa đất trên (các thửa đất có nguồn gốc là đất công ích 5% do UBND thị trấn Y quản lý). Địa chỉ các thửa đất tại tổ dân phố Bắc Lũng, thị trấn Y. Các thửa đất trên (thửa đất số 237, 238) thuộc khu vực 1, vị trí 4 được quy định tại Quyết định số 40/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh H về việc ban hành quyết định phân loại đường phố, phân khu vực, phân vị trí và Bảng giá đất 05 năm (2020 – 2024) trên địa bàn tỉnh H. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn

A1 (người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị A) và hộ bà Nguyễn Thị A chưa nhất trí với vị trí hai thửa đất số 237, 238, tờ bản đồ số 38, tổng diện tích 759,1 m², loại đất chuyên trồng lúa nước mà UBND huyện dự kiến bồi thường bằng đất cho hộ bà Nguyễn Thị A tại địa chỉ thửa đất thuộc xã đồng Là Túc, Tô dân phố Bắc Lũng; Đề nghị đền bù bằng đất tại vị trí bám trục đường Quốc lộ B và Quốc lộ 2C trong khu dân cư trên địa bàn thị trấn Y; Đề nghị bổ sung thông tin vị trí thửa đất 5% (quỹ đất công ích) do UBND thị trấn Y quản lý nằm trên địa bàn thị trấn Y để hộ bà A lựa chọn. Sau đó hộ gia đình bỏ về không ký biên bản. Qua kết quả rà soát UBND thị trấn Y về quỹ đất công ích 5% do UBND thị trấn Y quản lý nằm dọc trục đường Quốc lộ B, Quốc lộ 2C để bồi thường bằng đất cho hộ bà Nguyễn Thị A là không có.

Người bị kiện xác định: Việc thu hồi đất giải phóng mặt bằng công trình: Xây dựng khu dân cư dọc theo Quốc lộ B đoạn từ km 186 + 232 đến km 186 + 587 thuộc thôn XX thị trấn Y, huyện Y đã được thực hiện xong từ năm 2002 đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo các quy định tại thời điểm triển khai thực hiện. Đến nay đã tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình có nhu cầu và đã xây dựng nhà ở trên các lô đất trúng đấu giá theo đúng quy định của pháp luật.

Việc lập, phê duyệt dự toán kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng công trình: Xây dựng khu dân cư dọc Quốc lộ B từ Km 186+232 đến Km 286+587 thuộc thôn XX, thị trấn Y, huyện Y, trong đó hộ bà A được bồi thường, hỗ trợ tổng số tiền là: 2.479.800 đồng (đền bù đất trồng cây hàng năm là 761.200 đồng, hỗ trợ đền bù là: 1.418.600 đồng) đã đảm bảo đầy đủ các chế độ chính sách của tỉnh tại thời điểm phê duyệt.

Đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị A đã được Ủy ban nhân dân huyện Y giải quyết đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nội dung bà Nguyễn Thị A khởi kiện yêu cầu tuyên hủy Quyết định số 7368/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y về giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị A là không có cơ sở.

Nội dung bà Nguyễn Thị A đề nghị đền bù bằng đất tại vị trí bám trục đường Quốc lộ B và Quốc lộ 2C trong khu dân cư trên địa bàn thị trấn Y là không có cơ sở xem xét, giải quyết (Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ quy định: “*Khi thu hồi đất nông nghiệp... thì người bị thu hồi đất được đền bù bằng đất theo diện tích và hạng đất của đất bị thu hồi...*”; Khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 quy định “*Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi*”).

Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bản án Hành chính sơ thẩm số 08/2022/HC-ST ngày 31/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh H đã Quyết định:

Căn cứ vào các Điều 29; Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 191; Điều 194, Điều 206, Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ Luật Đất đai năm 1993.

Căn cứ Điều 8, Điều 9 Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ về đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng.

Căn cứ Luật Khiếu nại năm 2011.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A và người đại diện theo uỷ quyền của bà A về việc:

- Tuyên hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 7368/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của Chủ tịch UBND huyện Y.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh H bồi thường đất theo quy định của pháp luật.

- Buộc UBND huyện Y bồi thường thiệt hại do bà không được sử dụng thửa đất 355 bị thu hồi từ năm 2002 đến năm 2021 theo quy định của Luật trách nhiệm bồi thường.

- Buộc UBND huyện Y bồi thường tiền in ấn, tem thư, công đi khiếu kiện theo quy định của Luật Bồi thường nhà nước.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị A là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

Ngày 13/6/2022, người khởi kiện có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị A, đại diện theo uỷ quyền là ông Nguyễn Văn A1 giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, xác định Chủ tịch UBND huyện Y đã giải quyết khiếu nại đúng quy định, đúng về nội dung; quyền lợi hợp pháp của hộ gia đình bà Nguyễn Thị A đã được bảo đảm. Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên Quyết định của bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ và tranh tụng tại phiên tòa; sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 7368/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của Chủ tịch UBND huyện Y, ngày 29/10/2021 bà Nguyễn Thị A đã có đơn khởi kiện vụ án hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh H đã thụ lý giải quyết vụ án hành chính đúng quy định tại Điều 30, Điều 32, khoản 1

Điều 115, Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

Bản án sơ thẩm đã có đánh giá về tính hợp pháp về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành, về hình thức các quyết định hành chính bị kiện, Quyết định giải quyết khiếu nại của người bị kiện đã bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét nội dung kháng cáo của người khởi kiện:

[2.1] Về việc bồi thường, hỗ trợ đối với đất thu hồi:

Hộ gia đình bà Nguyễn Thị A bị thu hồi thửa đất số 335, diện tích 700 m² loại đất nông nghiệp trồng lúa hạng 5. Tại Quyết định số 4244/QĐ-UB phê duyệt dự toán kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng, hộ bà A được bồi thường 2.179.800 đồng cụ thể: Đền bù về đất là 1.761.200 đồng; Hỗ trợ về đất là 1.418.600 đồng - theo quy định tại Điều 27 Luật Đất đai năm 1993; Điều 8, Điều 9 Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ về đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và Quyết định của UBND tỉnh H ban hành quy định về bồi thường hỗ trợ đất và tài sản. UBND huyện Y phê duyệt bồi thường bằng tiền là đúng quy định tại Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ.

[2.2] Bà A khiếu nại yêu cầu được phải bồi thường bằng đất thổ cư, nhưng yêu cầu không phù hợp quy định của Luật đất đai. Quá trình giải quyết khiếu nại, người bị kiện cũng đưa ra phương án bồi thường cho hộ gia đình bằng đất nông nghiệp trồng lúa, nhưng bà A không nhất trí. Tại Tòa án, theo đề nghị của bà A, tại buổi đối thoại ngày 19/5/2021 giữa UBND huyện Y với bà Nguyễn Thị A đã thống nhất: UBND huyện sẽ bồi thường cho bà Nguyễn Thị A bằng đất tương đương với diện tích, hạng đất bị thu hồi (thu hồi đất trồng lúa), nhưng bà A đưa ra yêu cầu bồi thường bằng đất bám mặt đường Quốc lộ B (từ Đội 9 đến ngã ba ông Việt) hoặc tương đương trong khu dân cư và được phép chuyển đổi thành đất thổ cư. Yêu cầu này là không phù hợp quy định của Luật đất đai nên UBND huyện Y không chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện (yêu cầu khởi kiện hủy các quyết định hành chính và yêu cầu bồi thường thiệt hại), là có căn cứ.

Đơn kháng cáo có đề nghị xem xét Quyết định số 547/2002/QĐ-UBND ngày 20/11/2002 của UBND tỉnh H, nhưng không phù hợp về thẩm quyền và phạm vi giải quyết của vụ án hành chính, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[3] Người khởi kiện và đại diện theo ủy quyền kháng cáo, nhưng không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận.

[4] Kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị A phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Bà Nguyễn Thị A thuộc đối tượng được miễn án phí và có đơn xin miễn nên đủ điều kiện được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 220, khoản 1 Điều 24 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2022/HC-ST ngày 31/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

2. Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị A.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (06/02/2023).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- Cục THADS tỉnh H
- Lưu hồ sơ vụ án, TANDCC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Vân Hương

